

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~533~~ BKHĐT-TH

V/v xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch PTKTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2024

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023



Kính gửi: Các đơn vị thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 4456/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

Để chuẩn bị xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 của cả nước, Lãnh đạo Bộ yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ thực hiện:

1. Đôn đốc và tổng hợp báo cáo

a) Các đơn vị phụ trách bộ, cơ quan trung ương và Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ

- Trước ngày 08/7/2023, đôn đốc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và qua địa chỉ thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

- Trước ngày 10/7/2023, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ triển khai làm việc với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (nếu cần thiết); báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách cho ý kiến về sự cần thiết, nội dung, thành phần, người chủ trì cuộc họp,... trước khi triển khai (cuộc họp có thể do Lãnh đạo Bộ chủ trì nếu cần thiết).

b) Các đơn vị phụ trách ngành, lĩnh vực, chương trình

Trước ngày 08/7/2023, chủ trì, phối hợp với các đơn vị phụ trách bộ, cơ quan trung ương chuẩn bị các Báo cáo theo ngành, lĩnh vực, chương trình, gửi Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân bằng văn bản và qua địa chỉ thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

c) Các đơn vị được phân công tại các Phụ lục kèm theo

Trước ngày 15/7/2023, các đơn vị chuẩn bị nội dung được phân công và gửi về Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân bằng văn bản và qua hòm thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn.

d) Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân: tổng hợp chung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 của cả nước, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định để trình Phó Thủ tướng Lê Minh Khái trước ngày 27 tháng 7 năm 2023.


2. Yêu cầu tổng hợp và báo cáo

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức đơn vị thực hiện:

- Kịp thời đôn đốc các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo theo quy định;

- Tổng hợp có chọn lọc, súc tích, cô đọng, ngắn gọn, khái quát cao các nội dung quan trọng theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân công theo dõi. Có quan điểm phân tích, phản biện của đơn vị đối với những nội dung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024 của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

- Chủ động tổ chức nghiên cứu, phân tích, trao đổi, đánh giá sâu về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 của ngành, lĩnh vực, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân công phụ trách, phân tích nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; bám sát thực tiễn, đánh giá tình hình, bối cảnh cuối năm 2023 và năm 2024, từ đó đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu phù hợp trên tinh thần có trọng tâm, trọng điểm, chỉ ra được những vấn đề lớn, quan trọng cần thực hiện trong kế hoạch năm 2024; phấn đấu cao nhất để đạt được mục tiêu đề ra tại Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 được Quốc hội thông qua.

Năm 2024 là năm bứt phá để phấn đấu hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo sẽ tiếp tục biến động phức tạp, đại dịch Covid-19 còn để lại hậu quả nặng nề đối với nền kinh tế nước ta. Đề nghị các đơn vị nâng cao trách nhiệm, thực hiện theo đúng các nội dung được phân công, đảm bảo đúng thời gian quy định và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách cho ý kiến trước khi gửi Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng và các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TH₃



Trần Quốc Phương



PHỤ LỤC I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC

Kèm theo văn bản số 533/BKHĐT-TH ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023	
I	Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW
II	Đánh giá tổng quát và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2023	
1	Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 theo 15 chỉ tiêu chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 68/2022/QH15	
-	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5%	Tổng cục Thống kê
-	GDP bình quân đầu người đạt 4.400 đô la Mỹ (USD)	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,4-25,8%	Tổng cục Thống kê
-	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%	Tổng cục Thống kê
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 5,0-6,0%	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 26,2%	Tổng cục Thống kê
-	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 92%	Vụ QLKKT
2	Đánh giá các kết quả đạt được theo 10 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 68/2022/QH15 và các kết luận, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH năm 2023	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW, Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
3	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW,

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
		Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
a)	Nguyên nhân của kết quả đạt được (trong đó nêu chi tiết các nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với các kết quả đạt được)	
b)	Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn (trong đó nêu chi tiết nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với từng hạn chế, khó khăn)	
4	Bài học kinh nghiệm	TCTK, Viện CLPT, Viện NCQLKTTW, Trung tâm TTDBKTXHQG, Vụ KTĐP< và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực
III	Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể	
1	Về công tác xây dựng, thực thi pháp luật; cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	Vụ PC, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
2	Về thực hiện mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế:	
-	Về lạm phát	Tổng cục Thống kê, Vụ TCTT
-	Về đầu tư phát triển toàn xã hội	Tổng cục Thống kê, Cục ĐTNN (nội dung về FDI)
3	Về tăng trưởng kinh tế	
-	Về tăng trưởng GDP	Tổng cục Thống kê
-	Về phát triển khu vực dịch vụ (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Vụ KTCNDV, Cục KTHT
4	Về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	chủ và sức cạnh tranh:	
-	Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế, trong đó phân tích về tốc độ, quy mô tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, phân tích năng suất lao động xã hội,...	Tổng cục Thống kê, Viện NCQLKTTW
-	Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm	
+	Đầu tư công	Vụ THKTQD
+	Doanh nghiệp nhà nước	Cục PTDN
-	Về đổi mới sáng tạo (bao gồm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo), chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ	Trung tâm ĐMSTQG, Cục QLĐKKD, Cục PTDN
-	Về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cục QLĐKKD, Cục PTDN, Cục KTHT
5	Về công tác quy hoạch, phát triển vùng, liên kết vùng, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp	
-	Về công tác quy hoạch	Vụ QLQH
-	Về phát triển vùng, liên kết vùng, phát triển vùng kinh tế trọng điểm	Vụ KTĐPLT, Viện CLPT
-	Về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp	Vụ QLKKT
	PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024	
I	Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 , bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2022	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
II	Mục tiêu tổng quát	Viện CLPT, Viện NCQLKTTW và các đơn vị thuộc Bộ
III	Mục tiêu chủ yếu	Theo phân công tại biểu số 1, Phụ lục II

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
IV	Một số cân đối lớn	Theo phân công tại biểu số 2, Phụ lục II
V	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu	Các đơn vị thuộc Bộ



PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo văn bản số **3333**/BKHĐT-TH ngày **07** tháng **7** năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu số 1

BIỂU MẪU ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CỦA CẢ NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023			DỰ KIẾN NĂM 2024	CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5%	%				Tổng cục Thống kê	
2	GDP bình quân đầu người đạt 4.400 đô la Mỹ (USD)	USD				Tổng cục Thống kê	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,4-25,8%	%				Tổng cục Thống kê	
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%					Tổng cục Thống kê	
5	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 5,0-6,0%					Tổng cục Thống kê phối hợp Viện CIEM	
6	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 26,2%					Tổng cục Thống kê	
7	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%				Vụ QLKKT	
...	<i>Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung (nếu có).....</i>	

Biểu số 2
CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
VỀ TÍCH LŨY - TIÊU DÙNG										
										Tổng cục Thống kê
1	GDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng								
2	Cơ cấu tích lũy, tiêu dùng									
	Tiêu dùng cuối cùng	%								
	Tích lũy tài sản	%								
3	So sánh với GDP									
	Tiêu dùng cuối cùng	%								
	Tích lũy tài sản	%								
	Tiết kiệm	%								

Biểu số 3
CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
I	THEO GIÁ HIỆN HÀNH									Tổng cục Thống kê
1	GDP theo nội tệ	Nghìn tỷ đồng								
2	GDP theo ngoại tệ	Tỷ USD								
3	GDP bình quân đầu người	USD								
4	Cơ cấu GDP									
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%								
5	Năng suất lao động xã hội	Triệu đồng/lao động								Tổng cục Thống kê phối hợp Viện CIEM
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/lao động								
	Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng/lao động								
	Dịch vụ	Triệu đồng/lao động								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
II	THEO GIÁ SO SÁNH									Tổng cục Thống kê
1	Tốc độ tăng GDP	%								
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%								
2	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%								
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%								
	Công nghiệp và xây dựng	%								
	Dịch vụ	%								
III	ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	%								Tổng cục Thống kê

Biểu số 4
PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
	VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ									
1	Doanh nghiệp									Cục QLĐKKD
-	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Nghìn doanh nghiệp								
-	Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Nghìn doanh nghiệp								
-	Tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký tăng thêm của doanh nghiệp bổ sung vào nền kinh tế	Nghìn tỷ đồng								
+	Tổng số vốn của doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Nghìn tỷ đồng								
+	Tổng số vốn đăng ký tăng thêm của doanh nghiệp	Nghìn tỷ đồng								

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
2	Kinh tế tập thể									Cục KTHT
-	Tổng số hợp tác xã	Nghìn hợp tác xã								
	<i>Trong đó:</i>									
+	Thành lập mới	Nghìn hợp tác xã								
+	Giải thể	Nghìn hợp tác xã								
-	Tổng số thành viên trong hợp tác xã	Nghìn thành viên								
-	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã								
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã								
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác								
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên								

Biểu số 5
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
1	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng							Tổng cục Thống kê	
2	So với GDP	%							Tổng cục Thống kê	
3	Cơ cấu								Tổng cục Thống kê	
-	Nguồn ngân sách nhà nước	%								
-	Tín dụng đầu tư phát triển nhà nước	%								
-	Doanh nghiệp nhà nước	%								
-	Dân cư và doanh nghiệp tư nhân	%								
-	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	%								
-	Huy động khác	%								
4	Đầu tư trực tiếp nước ngoài								Cục ĐTNN	
-	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD								
-	Vốn đăng ký	Tỷ USD								
	<i>Trong đó:</i>									
+	Cấp mới	Tỷ USD								
+	Tăng thêm	Tỷ USD								

Biểu số 6
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Năm 2023			Dự kiến năm 2024			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
I	VỀ DÂN SỐ									
1	Dân số trung bình	Triệu người							Tổng cục Thống kê	
	<i>Trong đó: dân số nông thôn</i>	<i>Triệu người</i>								
2	Tuổi thọ trung bình	Tuổi							Tổng cục Thống kê	
III	VỀ LAO ĐỘNG									
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Triệu người							Tổng cục Thống kê	
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Triệu người							Tổng cục Thống kê	
	<i>Trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp</i>	<i>%</i>							<i>Tổng cục Thống kê</i>	

TT	CHỈ TIÊU	1. Tốc độ tăng GRDP		2. Quy mô GRDP theo giá hiện hành	3. GRDP bình quân đầu người	4. Cơ cấu kinh tế				5. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	6. Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	7. Thu ngân sách địa phương						8. Chi ngân sách địa phương			10. Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	11. Số doanh nghiệp đang hoạt động và kế khai thuế đầu cuối kỳ báo cáo	12. Về đầu tư trực tiếp nước ngoài			13. Dân số	14. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	15. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	16. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	17. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	18. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	19. Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành xây dựng nông thôn mới	20. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều		
		Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp, xây dựng			Dịch vụ	Thuế, trợ cấp sản phẩm	Trong đó: Thu ngân sách địa phương	Trong đó: Thu từ tiền sử dụng đất			Thu từ xổ số kiến thiết	7.2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	7.2.1. Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	7.2.2. Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Chi đầu tư	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tính gián biến chế)	9. Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Số dự án còn hiệu lực lấy kể đến cuối kỳ báo cáo			Vốn đầu tư thực hiện	Vốn đăng ký	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều								Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều		
		%	%			%	%	Tỷ đồng	Tỷ đồng			Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng			Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng								Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
Đơn vị	%	Nghìn tỷ đồng	Triệu đồng/người	%	%	%	%	Nghìn tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng			
Thời gian	ƯTH năm 2023	Dự kiến năm 2024	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1				Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1						Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chi tiêu số 1					
	(1)	(2)																																	
21	Bắc Ninh																																		
22	Hà Nam																																		
23	Nam Định																																		
24	Ninh Bình																																		
25	Thái Bình																																		
	MIỀN TRUNG																																		
26	Thanh Hoá																																		
27	Nghệ An																																		
28	Hà Tĩnh																																		
29	Quảng Bình																																		
30	Quảng Trị																																		
31	Thừa Thiên - Huế																																		
32	Thành phố Đà Nẵng																																		
33	Quảng Nam																																		
34	Quảng Ngãi																																		
35	Bình Định																																		
36	Phú Yên																																		
37	Khánh Hoà																																		
38	Ninh Thuận																																		
39	Bình Thuận																																		
	TÂY NGUYÊN																																		
40	Đắk Lắk																																		
41	Đắk Nông																																		
42	Gia Lai																																		
43	Kon Tum																																		
44	Lâm Đồng																																		
	ĐÔNG NAM BỘ																																		
45	Thành phố Hồ Chí Minh																																		
46	Đồng Nai																																		

TT	CHỈ TIÊU		1. Tốc độ tăng GRDP	2. Quy mô GRDP theo giá hiện hành	3. GRDP bình quân đầu người	4. Cơ cấu kinh tế				5. Tổng vốn đầu tư trên địa bàn	6. Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	7. Thu ngân sách địa phương						8. Chi ngân sách địa phương			9. Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	10. Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	11. Số doanh nghiệp đang hoạt động và kế khai thuế đầu cuối kỳ báo cáo	12. Về đầu tư trực tiếp nước ngoài			13. Dân số	14. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	15. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	16. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	17. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	18. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	19. Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	20. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều					
						Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp, xây dựng	Dịch vụ	Thuế, trợ cấp sản phẩm			Trong đó, thu nội địa	Trong đó:	Thu từ tiền sử dụng đất	Thu từ xổ số kiến thiết	7.2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	7.2.1. Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	7.2.2. Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Chi đầu tư				Chi thường xuyên (bao gồm chi cải tiến lương, tính gián biến chế)	Số dự án còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Vốn đầu tư thực hiện								Vốn đăng ký	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều			
	Đơn vị			%	Nghìn tỷ đồng	Triệu đồng/người	%	%	%	%	Nghìn tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Nghìn doanh nghiệp	Dự án	Triệu USD	Triệu USD	Nghìn người	Nghìn người	%	%	Xã	%	%	%	%			
	Thời gian	ƯTH năm 2023	Dự kiến năm 2024	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1				Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1						Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1			Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1	Thời gian báo cáo gồm 2 cột như Chỉ tiêu số 1					
47	Bình Dương	(1)	(2)																																				
48	Bình Phước																																						
49	Tây Ninh																																						
50	Bà Rịa - Vũng Tàu																																						
	ĐỒNG BẢNG SÔNG CỬU LONG																																						
51	Long An																																						
52	Tiền Giang																																						
53	Bến Tre																																						
54	Trà Vinh																																						
55	Vĩnh Long																																						
56	Cần Thơ																																						
57	Hậu Giang																																						
58	Sóc Trăng																																						
59	An Giang																																						
60	Đồng Tháp																																						
61	Kiên Giang																																						
62	Bạc Liêu																																						
63	Cà Mau																																						